

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;
2. Ông Đỗ Thanh Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ H., sinh ngày 09/9/1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H., xã L., huyện P., tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyen Van T., sinh 19/10/1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: 3404 K. St, T., USA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ H. trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyen Van T. kết hôn do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 205 ngày 04/10/2011. Sau khi kết hôn, bà và ông T. sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên bà và ông T. đã ly thân hơn 04 năm nay. Nay,

bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Nguyen Van T..

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn ông Nguyen Van T.:* Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án theo đúng quy định của Công ước tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại. Bộ Tư pháp đã có văn bản trả lời đã nhận được toàn bộ hồ sơ ủy thác cho bị đơn ông Nguyen Van T.; tuy nhiên không thể tiến hành tổng đạt cho ông Nguyen Van T. do địa chỉ không chính xác. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tiến hành thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ nhưng đến nay đã hơn một tháng từ ngày thông báo công khai ông Nguyen Van T. vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ H..

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Mỹ H. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyen Van T. có địa chỉ cư trú tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ H. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyen Van T., Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ H. và bị đơn ông Nguyen Van T. thông qua tư tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 205 ngày 04/10/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà và ông T. sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp tính tình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên bà

và ông T. đã ly thân hơn 04 năm nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ cả hai phía; tuy nhiên tình cảm giữa bà Bùi Thị Mỹ H. và ông T. đã không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Do đó, bà Bùi Thị Mỹ H. yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bà Bùi Thị Mỹ H. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tổng đạt, ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ H.;

1. Bà Bùi Thị Mỹ H. được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 205 ngày 04/10/2011 tại Sở Tư pháp tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận việc bà Bùi Thị Mỹ H. xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H. và ông T. trong thời kỳ hôn nhân thì bà H. và ông T. phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mỹ H. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005273 ngày 17/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Bùi Thị Mỹ H. phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006864 ngày 17/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

6. Về chi phí ủy thác tư pháp: Bà Bùi Thị Mỹ H. phải chịu 2.978.560 đồng theo Văn bản số 755/CTHADS-VP ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, được khấu trừ 3.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo

Biên lai thu tiền số 0004387 ngày 17/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà H. được nhận lại 521.440 đồng (năm trăm hai mươi một ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

7. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị Mỹ H. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen Van T. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- UBND huyện P.;
- Phòng KTNV & THA;
- Tòa GD & NCTN
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “để thi hành”;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng